

Số: 03 /GPMT-UBND

TP. Tây Ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tây Ninh (Công văn số 28/CV/SGTN ngày 29/5/2023) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố tại Tờ trình số 91/TTTr-PTNMT ngày 21 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tây Ninh, địa chỉ tại số 576, đường Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố 3, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Siêu thị Co.opmart Tây Ninh” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án “Siêu thị Co.opmart Tây Ninh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 576, đường Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố 3, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tây Ninh.

1.4. Mã số thuế: 3900895373.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô: Tổng diện tích thực hiện của Dự án là 17.768,2 m².

- Công suất:

+ Toàn nhà Siêu thị diện tích 2.928,0 m².



+ Nhà xe có mái che diện tích 467 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 6 năm 2023 đến ngày tháng 6 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND Phường 3 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: *1/*

- Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tây Ninh;
- Phòng TNMT TP;
- UBND Phường 3;
- Lưu: VT (PTNMT).

Cy) m

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Bá Can



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của UBND Thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và khách hàng, lưu lượng phát sinh 27,16 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Hoạt động kinh doanh (sơ chế thịt cá, rau củ, vệ sinh khu vực hoạt động), lưu lượng phát sinh 7,0 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Hoạt động của khu vực ăn uống, lưu lượng phát sinh 10,0 m³/ngày.đêm.

Lưu lượng xả nước thải tối đa: 44,16 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K = 1,0 được đưa ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường Huỳnh Công Giản.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý thoát vào hệ thống thoát nước chung tại đường Huỳnh Công Giản, Khu phố 7, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ VN 2000 múi 30, KT 105°30':

Điểm	Hệ tọa độ VN 2000 múi 30, KT 105°30'	
	X	Y
Điểm đầu vào	566458	1250437
Điểm đầu ra	566465	1250444
Điểm xả thải	566210	1250554

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 44,16 m³/ngày.đêm, tương đương 1,84 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý xong được bơm theo đường ống Ø 400mm đặt ngầm cách mặt đất 0,8m với chiều dài khoảng 50m chảy vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường Huỳnh Công Giản.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo

đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Tần suất quan trắc	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A, hệ số K = 1,0	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	06 tháng/lần	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅	mg/l		30	
3	TSS	mg/l		50	
4	Nitrat	mg/l		30	
5	Photphat	mg/l		6	
6	Amoni	mg/l		5	
7	Coliform	MPN/l		3.000	
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l		10	
9	Chất HDBM	mg/l		5	
10	Sunfua	mg/l		1	
11	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l		500	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và khách hàng, từ hoạt động kinh doanh (sơ chế thịt cá, rau củ, vệ sinh khu vực hoạt động) và từ hoạt động của khu vực ăn uống được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải – Bể thu gom - Bể tách dầu mỡ - Bể điều hòa - Bể MBBR - Bể Aerotank - Bể lắng - Bể Trung gian và khử trùng - Bồn lọc áp lực - Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 70 m³/ngày.đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

+ Hệ thống xử lý nước thải quá tải, không xử lý hết lượng nước thải phát sinh. Do đó, chủ đầu tư đã tính toán và thiết kế ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

+ Phòng chống lưu lượng nước thải tăng lên do mưa lớn: khu vực xử lý nước thải phải có đường ống thoát nước mưa riêng, không để nước mưa xả vào hệ thống xử lý nước thải.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Các máy móc, thiết bị (như: bơm, máy thổi khí,...) đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

+ Có biện pháp khắc phục khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, tuyệt đối không để nước thải chưa qua xử lý xả thải ra môi trường.

- Người vận hành hệ thống xử lý nước thải được đào tạo các kiến thức về:

+ Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

+ Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý nước thải và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

+ Lập báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không có.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được cấp. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư



theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.





Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/GPMT-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Tây Ninh).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn phát sinh:
 - + Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông.
 - + Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 550 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện).
 - + Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khu nấu ăn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Tại nơi có các phương tiện giao thông thuộc phạm vi khu đất của Dự án, tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°): $X = 566261$; $Y = 1250527$.
- Nguồn số 02: Tại máy phát điện dự phòng công suất 550 KVA thuộc phạm vi khu đất của Dự án, tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°): $X = 566260$; $Y = 1250526$.
- Nguồn số 03: Tại quạt hút khu vực nấu ăn thuộc phạm vi khu đất của Dự án, tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°): $X = 566259$; $Y = 1250525$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:
 - + Nguồn số 01, 02, 03: Do bụi, khí thải theo hệ thống thông gió tự nhiên thoát ra môi trường nên áp dụng hệ số Kp thấp nhất, tương đương với lưu lượng xả thải $\leq 3.646 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 01, 02, 03: phát tán tự nhiên.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường



đối với bụi, khí thải: Theo QCVN 19:2009/BTNMT.

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Tần suất quan trắc	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	Không áp dụng	$P \leq 20.000$	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³		160	
3	SO ₂	mg/Nm ³		680	
4	NO _x	mg/Nm ³		400	
5	CO	mg/Nm ³		800	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

1.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023
của UBND thành phố Tây Ninh).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.
- + Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 550kVA.
- + Nguồn số 03: Từ hoạt động các phương tiện giao thông.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Tại hệ thống xử lý nước thải thuộc phạm vi khu đất của Dự án, tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3⁰): X = 566458; Y = 1250437.

- Nguồn số 02: Tại máy phát điện dự phòng công suất 550 kVA thuộc phạm vi khu đất của Dự án, tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3⁰): X = 566260; Y = 1250526.

- Nguồn số 03: Tại khu vực có các phương tiện giao thông thuộc phạm vi khu đất của cơ sở, tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3⁰): X = 566261; Y = 1250527.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT (Khu vực thông thường)
1	Độ ồn	dBA	70 dBA từ 6 giờ - 21 giờ 55 dBA từ 21 giờ - 6 giờ

Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT (Khu vực thông thường)
1	Độ rung	dB	70 dB từ 6 giờ - 21 giờ 60 dB từ 21 giờ - 6 giờ

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Các phương tiện vận tải phải được thường xuyên bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ quy định cho từng khu vực nhằm đảm bảo không gây ồn cho khu vực xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực kho chứa.

+ Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với các thiết bị vận hành cố định như máy bơm, máy phát điện dự phòng có thể sử dụng tường cách âm để giảm ồn.

+ Máy bơm, máy thổi khí... từ hệ thống xử lý nước thải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện.

+ Nền đế máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.

+ Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị mài mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03./GPMТ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Tây Ninh).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	4	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	63	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	1	16 01 12
4	Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	Rắn	21	16 01 13
5	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1	17 02 03
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	1	18 01 03
Tổng số lượng			91	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: giấy, thùng carton; chai nhựa, chai thủy tinh không ô nhiễm: 232 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 226 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng rác bằng nhựa có nắp đậy 120 lít (bố trí trong kho chứa).

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 6,0 m² thuộc khu vực tầng 01 của Dự án.

- Kết cấu khu vực lưu chứa trong nhà: tường gạch, vách thạch cao, cửa sắt.

- Ký hợp đồng và bàn giao Chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và

Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:*

Thùng rác bằng nhựa có nắp đậy 120 lít (bố trí trong kho chứa).

2.2.2. *Khu vực lưu chứa trong nhà:*

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 20,0 m² thuộc khu vực phía sau hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Vách tol, cửa sắt.

- Ký hợp đồng và bàn giao Chất thải sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.3. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:*

Thùng rác bằng nhựa có nắp đậy 120 lít (bố trí trong kho chứa).

2.3.2. *Khu vực lưu chứa:*

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m² thuộc khu vực phía sau hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Vách tol, cửa sắt.

- Ký hợp đồng và bàn giao Chất thải sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

+ Xây dựng nhà lưu giữ chất thải có mái che, đề phòng khi có sự cố vỡ hệ thống, chất thải chảy tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

+ Trang bị các biện cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố gây ra.

+ Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cách



cháy, bể chứa nước phòng cháy, chữa cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

